

Bản án số: 41/2023/HS-PT  
Ngày 29 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trần Minh Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023, do có kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn V, Bùi Thái H, Phạm Trung T, Đặng Thành N và Lê Phước M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**- Các Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Họ và tên: Lâm Văn V**, sinh ngày 10/4/1992; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi ĐKNKTT: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; có vợ Phạm Ngọc H, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/4/2018 bị công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 105/QĐ-XPHC với hình thức phạt tiền về hành vi đá gà thắng thua bằng tiền (nộp phạt ngày 04/05/2018); bị tạm giữ từ ngày 09/4/2022 đến ngày 18/4/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

**2. Họ và tên: Phạm Trung T**, sinh năm 1984; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh S (đã chết) và bà Trương Thị Y; sinh năm

1960; có vợ Lý Thị Kiều Tr; sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án: Ngày 22/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tổng hợp hình phạt 09 năm tù (02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 07 năm tù về tội Cướp tài sản); chấp hành xong hình phạt ngày 23/01/2017 (bị cáo chưa chấp hành án phí); tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2003 bị TAND tỉnh Bạc Liêu xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giết tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong ngày 21/7/2007; ngày 30/11/2018 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 03/QĐ-XPHC về hành vi đánh nhau; ngày 21/01/2020 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 08/QĐ-XPHC về hành vi làm nhục người khác; bị tạm giữ từ ngày 08/4/2022 đến ngày 17/4/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

**3. Họ và tên: Đặng Thành N**, sinh ngày 06/12/1993; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thành H, sinh năm 1967 và bà Châu Thị R, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 06/4/2022 đến ngày 15/4/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

**4. Họ và tên: Bùi Thái H**, sinh năm 1993; tại L, An Giang; nơi cư trú: ấp Bà T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh G, (đã chết) và bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1967; có vợ Lý Xuân N, sinh năm 1994; con: chưa có; tiền án: Ngày 20/4/2020 TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 174/2020/HSPT (chấp hành xong ngày 26/7/2020); tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014 TAND tỉnh Cà Mau xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 130/HSST ngày 04/8/2014; bị tạm giữ từ ngày 13/10/2022, đến ngày 16/10/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

**5. Họ và tên: Lê Phước M**, sinh ngày 27/7/2000; tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp 3, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thảo S, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17/6/2019 Tòa án nhân dân huyện P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 17/11/2020; bị tạm giữ từ ngày 06/4/2022, đến ngày 15/4/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

- *Bị hại không kháng cáo:* Anh Ngô Minh T1, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; (có đơn xin vắng mặt và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Chị Lý Thị Kiều T2, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Long Hòa, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Văn V*: Ông Nguyễn Bằng Lăng là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Trí T4 nợ bị cáo Lâm Văn V số tiền 540.000.000 đồng, đòi nhiều lần không trả, nên bị cáo V gặp bị cáo T bàn bạc và thống nhất giao bị cáo T đi đòi nợ thay, thống nhất đánh giằng mặt Ngô Minh T4 là anh em bạn dì ruột với Nguyễn Trí T1 để tạo áp lực buộc người thân của Nguyễn Trí T4 trả tiền nợ cho bị cáo V. Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 26/02/2022, bị cáo T phân công cho bị cáo N canh chừng khi nào Ngô Minh T1 đóng cửa cây xăng ra về thì điện thoại báo cho bị cáo H biết, đồng thời bị cáo T kêu bị cáo N giao xe mô tô Exciter 150, không gắn biển kiểm soát cho H và giao nhiệm vụ cho bị cáo H điều khiển chở bị cáo M và giao nhiệm vụ cho bị cáo M trực tiếp gây thương tích cho bị hại, còn xe của bị cáo M biển kiểm soát 94E1-273.43 thì giao lại cho bị cáo N, khi nào gây án xong quay lại khu vực cầu H để đổi xe, cất giấu công cụ, phương tiện gây án.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo N điện thoại báo cho bị cáo H biết Ngô Minh T1 đã đóng cửa cây xăng chuẩn bị ra về, do đoạn đường lúc này vắng, nên khi bị cáo H thấy có xe máy chạy trên đường thì điều khiển xe chạy bám theo, đến đoạn Ngã ba đường T giao đường N thuộc ấp P, thị trấn P, bị cáo H áp sát từ phía bên trái hướng bị hại đang di chuyển cho bị cáo M ngồi sau cầm dao chém T1, theo phản xạ bị hại đưa tay trái đang cầm điện thoại lên đỡ, nên bị chém trúng vào cánh tay, khuỷu tay, trên cẳng tay và dưới cẳng tay trái và té ngã xe xuống đường. Sau đó, bị cáo H điều khiển xe chở bị cáo M đi cất giấu cây dao chém bị hại, bị cáo H và M cởi áo khoác vứt xuống sông. Khoảng 02 ngày sau, T gọi điện kêu M lên nhà T để lấy tiền công, T đưa cho N 5.000.000 đồng để đưa cho bị cáo M. Sau khi nhận được tiền M đã tiêu xài hết.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 50/TgT ngày 07/4/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận đối với Ngô Minh T1 như sau: Một

sẹo ở 1/3 trên ngoài cánh tay trái; một sẹo ở khuỷu tay trái; một vết thương đã thành sẹo ở 1/3 sau trên cẳng tay trái; một vết thương đã thành sẹo ở 1/3 sau dưới cẳng tay trái; tổn thương bán phần thần kinh quay trái; gãy 1/3 trên xương trụ trái, còn đang xuyên đỉnh, trục thẳng; đứt bán phần cơ duỗi cổ tay quay, đứt hoàn toàn cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi chung các ngón và bán phần cơ gấp cổ tay trụ, đứt bán phần gân duỗi ngón cái dài, đã khâu nối phục hồi. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 37%. Vật gây thương tích là do vật sắc.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-HS, ngày 25/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố các bị cáo Lâm Văn V, Phạm Trung T, Bùi Thái H, Lê Phước M và Đặng Thành N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Lâm Văn V, Phạm Trung T, Bùi Thái H, Lê, Phước M và Đặng Thành N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lâm Văn V 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Phạm Trung T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Bùi Thái H 08 (tám) năm tù.

4. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lê Phước M 08 (tám) năm tù.

5. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Đặng Thành N 06 (sáu) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2023 các bị cáo Đặng Thành N, bị cáo Phạm Trung T và bị cáo Lê Phước M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 07/4/2023 bị cáo Lâm Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 13/4/2023 bị cáo Bùi Thái H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và mức án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong. Tuy nhiên, theo biên lai thu tiền số 0001937 ngày 04/11/2022 do bà Nguyễn Thị M mẹ của bị cáo V nộp khắc phục cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, nhưng cấp sơ thẩm chưa xử lý, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V đồng ý khắc phục hậu quả cho bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo V.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lâm Văn V phát biểu tranh luận và đề nghị: Bị cáo V chỉ nhờ bị cáo T đòi nợ của Nguyễn Trí T1 dùm cho bị cáo V, bị cáo V không bàn bạc với bị cáo T chém gây thương tích cho Ngô Minh T1, việc bị cáo T kêu các bị cáo khác gây thương tích cho Ngô Minh T1 bị cáo V hoàn toàn không hay biết, việc bị cáo T gây thương tích cho Ngô Minh T1 nằm ngoài ý thức của bị cáo V, quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo V thuê bị cáo T gây thương tích cho bị hại Ngô Minh T1, bị cáo V đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngô Minh T1, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để sớm về đoàn tụ gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo V, N, T, M, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo V bàn bạc với bị cáo T để bị cáo T gây áp lực cho gia đình Nguyễn Trí T4 bằng cách gây thương tích cho Ngô Minh T1 là anh em bạn dì ruột của Nguyễn Trí T4, sau đó bị cáo T kêu gọi các bị cáo M, N và H sắp xếp thời gian để gây thương tích cho bị hại Ngô Minh T1 cụ thể: Bị cáo T phân công bị cáo N đến cửa hàng của bị hại canh khi nào bị hại về thì thông báo cho bị cáo H biết, phân công bị cáo H điều khiển xe mô tô của bị cáo N chờ bị cáo M chém bị hại, sau khi bị cáo N điện thoại báo cho bị cáo H biết bị hại đã đóng cửa cây xăng chuẩn bị ra về thì bị cáo H canh khi thấy có chiếc xe máy chạy trên đường thì bị cáo điều khiển xe bám theo và áp sát vào xe bị hại đang chạy từ phía bên tay trái cho bị cáo M chém bị hại, sau đó bị cáo H điều khiển xe chờ bị cáo M đi cất giấu cây dao gây án, thay bỏ áo khoác mặc lúc gây án rồi giải tán, hậu quả Ngô Minh T1 bị thương tích qua giám định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 37%. Do đó, việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực nhận thức, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi do mình gây ra. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Xét hành vi của từng bị cáo thấy rằng, chỉ vì muốn Nguyễn Trí T4 trả nợ mà bị cáo V bất chấp pháp luật, bàn bạc với bị cáo T để gây thương tích cho bị hại Ngô Minh T1, trong khi Ngô Minh T1 không có quan hệ hay mâu thuẫn gì với bị cáo, hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác nên cần xử lý nghiêm.

[3] Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo V là người khởi xướng, kêu bị cáo T gây thương tích cho bị hại, bị cáo T là người huy động các bị cáo khác cùng tham gia, trong đó bị cáo N có vai trò quan sát khi thấy bị hại đóng cửa rồi khỏi cây xăng thì báo cho bị cáo H để bị cáo H điều khiển xe chờ bị cáo M trực tiếp chém bị hại gây thương tích, hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, sử dụng hung khí nguy hiểm, thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức và với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho bị hại 37%, nên các bị cáo phải chịu các tình tiết định khung được quy định tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố không chứng minh được bị cáo V thuê bị cáo T và các bị cáo khác gây thương tích cho bị hại, nên các bị cáo không phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng cho từng bị cáo. Cụ thể, tuy bị cáo V là người khởi xướng, chủ mưu nhưng chỉ

nói gây thương tích cho người nhà của anh Nguyễn Trí T4 mà không nói gây thương tích thể nào, dùng hung khí gì để gây thương tích, bị cáo T là người lôi kéo các bị cáo khác và phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo gây thương tích cho bị hại, bị cáo H là người điều khiển xe chở bị cáo M, nhưng các bị cáo V, T và N không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, thương tích của bị hại do bị cáo H và bị cáo M trực tiếp gây ra. Xét về vai trò thì mức hình phạt đối với bị cáo V phải cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo T là người tổ chức, phân công vai trò cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn bị cáo N và thấp hơn bị cáo V. Tuy nhiên, do bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên mức hình phạt của bị cáo T bằng với bị cáo V. Đối với bị cáo H, mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo sự phân công của bị cáo T, nhưng vai trò là người cùng với bị cáo M thực hiện hành vi trực tiếp gây thương tích cho bị hại và bị cáo cũng bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên mức hình phạt của bị cáo ngang bằng với bị cáo T và bị cáo V. Đối với bị cáo M là người chuẩn bị hung khí và trực tiếp chém gây thương tích cho bị hại nên mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo N chỉ là người thông báo cho bị cáo H để bị cáo H điều khiển xe bám theo bị hại, vai trò của bị cáo thấp hơn các bị cáo khác nên mức hình phạt của bị cáo phải thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và đã phân hóa vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo cấp sơ thẩm phạt bị cáo M là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại lại thấp hơn bị cáo V, bị cáo T và ngang bằng với bị cáo H là chưa phù hợp.

Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm phạt các bị cáo, theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra từ 31% đến 60% có mức hình phạt từ 5 năm đến 10 năm tù, mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết định khung tại các điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, nhưng với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho bị hại chỉ 37%, nhưng các bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo H, M và bị cáo N là thiếu sót, riêng bị cáo V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú và có ông ngoại là người có công cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mặc dù trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm phạt các bị cáo là quá nghiêm khắc và chưa phù hợp với vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nên

cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Do đó, cần sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm. Tuy nhiên, theo biên lai thu tiền số 0001937 ngày 04/11/2022 do bà Nguyễn Thị M mẹ của bị cáo V nộp khắc phục cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, nhưng cấp sơ thẩm chưa xử lý, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V đồng ý dùng số tiền 40.000.000 đồng này khắc phục hậu quả thêm cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền 40.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0001937 ngày 04/11/2022 do bà Nguyễn Thị M là mẹ của bị cáo V nộp để khắc phục cho bị hại, nay bị cáo V đồng ý tiếp tục bồi thường khắc phục cho bị hại, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo, bị hại Ngô Minh T1 có quyền liên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện P để nhận số tiền này.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, ghi nhận sự tự nguyện khắc phục thêm số tiền 40.000.000đ do mẹ bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên về giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp nên không được chấp nhận. Đối với đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo V bồi thường thêm cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo V. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Luật sư giảm án cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu.

[9] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lâm Văn V, Bùi Thái H, Phạm Trung T, Lê Phước M và Đặng Thành N, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt.

2. Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn V, Phạm Trung T, Bùi Thái H, Lê Phước M và Đặng Thành N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2.1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn V 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 09/4/2022.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 08/4/2022.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thái H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13/10/2022.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Phước M 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/4/2022.

2.5. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Thành N 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Minh T1 được nhận số tiền 40.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị M mẹ của bị cáo V nộp khắc phục cho bị hại Ngô Minh T1), theo biên lai thu tiền số 0001937 ngày 04/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lâm Văn V, Đặng Thành N, Phạm Trung T, Bùi Thái H và Lê Phước M không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CQĐT huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu:HS, THS, THCTP;

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**